1

TRÊN TÀU VIỄN DƯƠNG

Mùa hè năm 1858, con tàu viễn dương La Gi-rông của công ty Đông Ấn thuộc Pháp rời cảng Hương Cảng qua Ma Cao để trở về nước Pháp. Trong buồng ăn ở khoang giữa, ba sĩ quan Pháp đang thân mật trò chuyện với nhau.

An-be móc túi áo rút ra một lá thư và nói:

– Trước khi xuống tàu này, tôi vừa mới nhận được thư của ông anh gửi sang, thông tin cho biết mấy điều lí thú. Tôi đọc cho các cậu nghe một vài đoạn nhé:

"Em ạ, cha Pen-lơ-ranh từ Đà Nẵng trốn về Pháp năm ngoái đã được vào bệ kiến hoàng đế. Cha tha thiết xin người dùng vũ lực để cứu lấy các giáo sĩ và giáo dân Việt Nam. Cha còn đi thuyết trình ở nhiều nơi, gây được xúc động lớn ở Pháp và Y Pha Nho[1]. Lại thêm hoàng hậu Ơ-giê-ni là người ngoan đạo, rất mùi lòng trước cảnh tang thương của các giáo hữu Á Đông, nên bà hết sức thuyết phục hoàng đế quyết tâm ra tay bằng vũ lực."

(1) Cách gọi cũ tên nước Tây Ban Nha.

An-be đọc tiếp một đoạn cuối của bức thư:

"Em ạ, về phần hoàng đế thì từ sau khi chiến thắng ở Cơ-ri-mê năm 1855, người rất hào hứng, quyết gây thanh thế lẫy lừng cho nước Pháp ở hải ngoại. Còn có điều này, anh nói riêng với em, chớ tiết lộ ra ngoài nhé: Cha Pen-lơ-ranh đã đoán chắc với hoàng đế là một khi quân đội Pháp và Y Pha Nho đánh lên đất liền ở Việt Nam thì sẽ có hàng vạn giáo dân nổi dậy hưởng ứng. Do đó, Ủy ban nghiên cứu các vấn đề Việt Nam được thành lập từ tháng 4 năm 1857 đang xúc tiến nhiều việc quan trọng. Kì này em về nước chắc sẽ được nghe nhiều chuyện, và chắc sau này em trở lại Viễn Đông sẽ có dịp lập chiến công đó."

An-đơ-rê nhìn An-be tỏ vẻ khâm phục:

– Tôi là sĩ quan quân bưu, chỉ biết chuyển giao công văn mà không biết chuyện gì trong trong công văn cả. Đại úy An-be có người nhà trong cung đình mới hiểu được những điều bí mật như thế.

Phéc-đi-năng tiếp lời bạn:

– Anh An-be ạ, nghe qua bức thư, tôi nghĩ rằng đối với hoàng đế, việc cứu nguy cho các giáo sĩ không quan trọng bằng việc gây thanh thế cho nước Pháp. Nếu như

hoàng đế cho hạm đội Viễn Đông chúng ta đánh nước Việt Nam thì cái chính là để gây dựng thuộc địa, hoặc ít ra là lập mấy căn cứ quân sự và mấy thương điếm trên bờ biển Việt Nam. Bọn mình nên nhớ rằng việc cạnh tranh với người Anh là điều không thể tránh khỏi. Ngày nay người Anh đã có thuộc địa của họ là hòn đảo Hương Cảng, chứ nước Pháp chúng ta đã có gì đâu.

An-be:

– Việc bảo vệ các giáo sĩ cũng là một nghĩa vụ chính trị của hai quốc gia Pháp và Y Pha Nho chứ.

– Tất nhiên. – Phéc-đi-năng nói. – Nó vừa là nghĩa vụ, vừa là một cái cớ rất vững để hoàng đế chúng ta cho hạm đội Viễn Đông ra quân đối với Việt Nam.

Nói đến chuyện bảo vệ các giáo sĩ, bất giác cả ba chàng sĩ quan cùng nhìn sang chiếc bàn ở góc phòng ăn. Tại đây, hai nhà tu hành Thiên chúa giáo đang dùng bữa chiều.

An-be hỏi hai bạn:

– Các cậu có biết vị giám mục và anh thầy dòng người châu Á kia là ai không?

Phéc-đi-năng nói:

– Vị giám mục này thì năm năm về trước tôi đã từng thấy ở Ma-lăc-ca, còn người giáo sĩ kia thì tôi chưa từng gặp. Anh An-be có biết gì về anh ta không?

An-be:

– Tốt nhất là bọn mình nên đến làm quen với họ. Trên con tàu viễn dương này, cùng nhau bềnh bồng mấy tháng liền, sao ta không làm quen với họ nhỉ?

Anh ta đứng dậy, rời khỏi bàn, đến cạnh hai nhà tu hành:

– Thưa đức cha, chúng con rất hân hạnh được làm những người bạn đồng hành với đức cha và giáo sĩ. Xin kính chúc đức cha và giáo sĩ thu được kết quả mĩ mãn trong chuyến đi qua ba đại dương mênh mông này.

Ngừng giây lát, anh ta nói tiếp:

– Thưa đức cha, con là An-be, đại úy pháo binh, về nước nghỉ phép. Còn bạn đeo kính cận thị ngồi kia là Phéc-đi-năng, trung úy công binh, được thuyên chuyển về Paris nhận nhiệm vụ mới. Và anh An-đơ-rê tóc vàng kia là thiếu úy quân bưu.

Giám mục tự giới thiệu:

– Tôi là Gô-chi-ê, phụng sự Chúa tại một giáo khu thuộc địa phận Nam Đàng Ngoài của nước Việt Nam, và anh chủng sinh đây là thầy Phao-lồ Nguyễn Trường Tộ, người học trò và là người bạn đường thân thiết của tôi; đồng thời còn là người thầy dạy cho tôi thứ chữ tượng hình của người Trung Hoa nữa.

Nguyễn Trường Tộ chắp tay và cúi đầu thi lễ theo kiểu châu Á. Anh nói bằng tiếng Pháp:

– Cầu Chúa ban phước lành cho chúng ta, và cả mọi hành nhân trên đường biển xa đằng đẵng này.

Giám mục nhẹ nhàng đứng dậy, kéo thêm ghế và đưa hai tay mời một cách hồn hậu:

– Xin mời cả hai bạn sang bên này với chúng tôi.

Phéc-đi-năng và An-đơ-rê cùng đứng dậy. Họ không quên mang theo chai rượu Booc-đô và mấy chiếc li pha lê sang bàn bên. Họ kính cẩn chào giám mục và nghiêng đầu thi lễ với giáo sĩ.

Cuộc đàm thoại đi ngay vào nội dung thời sự mà ba chàng sĩ quan vừa mới bình luận. Hầu như cùng một lúc, An-be và Phéc-đi-năng cất tiếng hỏi:

– Thưa cha, tình hình giáo hội của chúng ta trên đất Việt Nam hiện nay như thế nào?

– Chuyện dài lắm. – Giám mục khoan thai đáp. – Nhưng cũng có thể nói chung lại là bước khốn khó mà những giáo sĩ và giáo dân ở Việt Nam phải chịu đựng gay go nhất từ năm 1847 đến nay chưa chấm dứt.

– Thưa cha, có thể giải thích như thế nào về hiện tượng vô nhân đạo này? – Phéc-đi-năng hỏi có vẻ căm phẫn.

Giám mục đưa bàn tay thanh mảnh lên, lặng lẽ nhìn Phéc-đi-năng và hạ dần bàn tay xuống như muốn dẹp nỗi bất bình trong lòng người đối thoại:

– Đây không phải là câu chuyện khoa học để giải thích. Nó là câu chuyện hạt táo và cây táo, cây táo và

quả táo. Đây là sự xung đột về tín ngưỡng, mà cũng có cả sự xung đột giữa lợi ích các dân tộc với nhau. Không dễ gì một dân tộc bỏ ngay tín ngưỡng cổ truyền của họ để thờ một đức Chúa Trời duy nhất, mặc dầu Chúa vĩnh hằng của chúng ta là đấng quyền uy bao trùm khắp cả thế gian này.

Ông đưa cặp mắt hiền hậu nhìn ba chàng sĩ quan trẻ đẹp. Trong khi đó, cả ba sĩ quan Pháp, không ai bảo ai, cùng liếc mắt nhìn người chủng sinh Việt Nam. Gương mặt nghiêm trang, nước da tai tái, vừng trán rộng điểm vài nếp nhăn trước tuổi, và nhất là đôi mắt sáng vừa biểu hiện trí thông minh, vừa ẩn đượm một vẻ buồn cô đơn của anh, gợi cho người đối diện những nhận xét khác nhau.

An-be nghĩ: "Liệu anh chàng thầy dòng châu Á này đã dứt bỏ hết tín ngưỡng cổ truyền của dân tộc mình chưa?"

Phéc-đi-năng phán đoán: "Người giáo hữu này chắc vừa thoát khỏi tai họa bước qua thánh giá."

An-đơ-rê nhìn cả Nguyễn Trường Tộ và giám mục Gô-chi-ê. Anh thấy có cảm tình với người chủng sinh này, và đặt niềm tin vào vị giám mục mà anh thầm đánh giá: "Đây là một vị chân tu, chắc không giống mấy ông linh mục giả đạo đức ở Nit-xơ mà cha mình thường đem chuyện tiếu lâm của Xắc-cát-xô ra chế giễu."

Nguyễn Trường Tộ điềm đạm nhìn mọi người. Gương mặt đạo mạo, hiền từ của giám mục đối với anh

đã quen thuộc từ lâu. Còn ba sĩ quan người Pháp đối với anh đều xa lạ. Anh chưa biết nên nghĩ về họ như thế nào, nhưng nhìn qua gương mặt mỗi người anh thầm phán đoán.

An-be có nét kiêu kì của một cậu ấm xuất thân gia đình đại quý tộc. Phéc-đi-năng mang dáng dấp của một người hay suy tư và thích vẫy vùng. Còn An-đơ-rê thì có nét kiên nhẫn chịu đựng của một người bình dân lép vế.

Câu chuyện quanh chiếc bàn ăn được chuyển từ lĩnh vực tôn giáo sang lĩnh vực địa lí.

– Thưa đức cha, – Phéc-đi-năng nói. – chắc cha đã biết hiệp định giữa nước Pháp chúng ta với Ai Cập cách đây mấy năm, ta thuê vùng eo đất giữa Địa Trung Hải và Hồng Hải làm tô giới để đào con kênh nối liền hai biển.

– Có biết. – Giám mục nói. – Đó là hiệp ước tô nhượng, ngày 25 tháng 11 năm 1854, giữa hoàng đế Na-pô-lê-ông III với nhà vua Ai Cập Mô-ha-met Xa-it. Thế nhưng bốn năm qua, đã làm được gì đâu.

– Vâng, thưa đức cha, – Phéc-đi-năng tiếp lời. – để thực hiện một công trình vĩ đại như thế, còn phải lập ra công ty, tập hợp tiền vốn, chiêu mộ nhân công, và nhất là phải thiết kế kĩ thuật, phức tạp lắm chứ ạ.

An-be khẳng định:

– Nhưng với sức mạnh của nền văn minh nước Pháp, tôi tin rằng chẳng bao lâu nữa các con tàu viễn dương